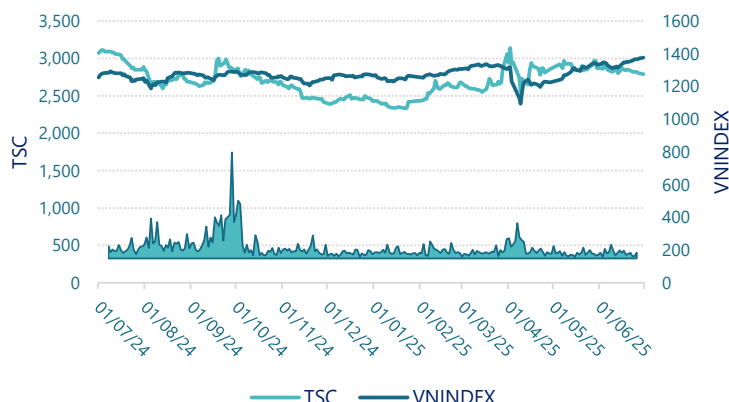


CTCP Vật tư Kỹ thuật Nông nghiệp Cần Thơ (HSX: TSC)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch 30/06/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	2,790
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	3,140
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	2,330
SL cổ phiếu LH	196,858,925
KLGD BQ 20 phiên (CP)	435,385
% sở hữu nước ngoài	0.2%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	549
P/E	1597.5
EPS	2

DT thuần

Q2/25

206

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 22.0 | 12.0%

YoY: ▲ 38.0 | 22.6%

LN sau thuế

Q2/25

12.3

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 3.90 | 46.7%

YoY: ▲ 1.50 | 14.1%

Tỷ suất lãi EBIT

Q2/25

9.6%

+/- YoY: ▼ 1.3%

DT thuần

6T 2025

390

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 94.0 | 31.4%

LN sau thuế

6T 2025

20.7

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 3.10 | 17.9%

ROE

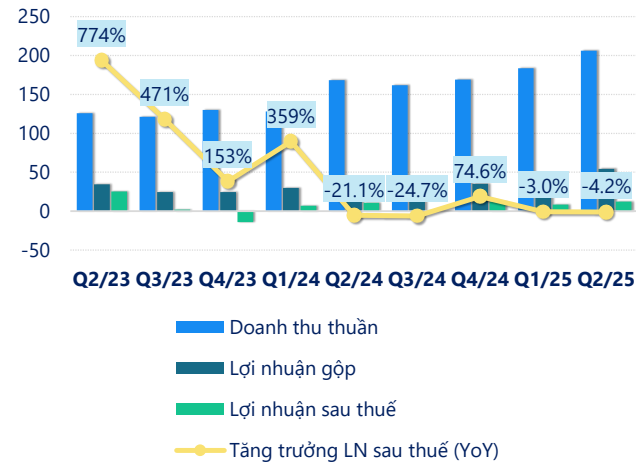
Q2/25

0.0%

+/- YoY: ▲ 0.6%

tỷ VNĐ

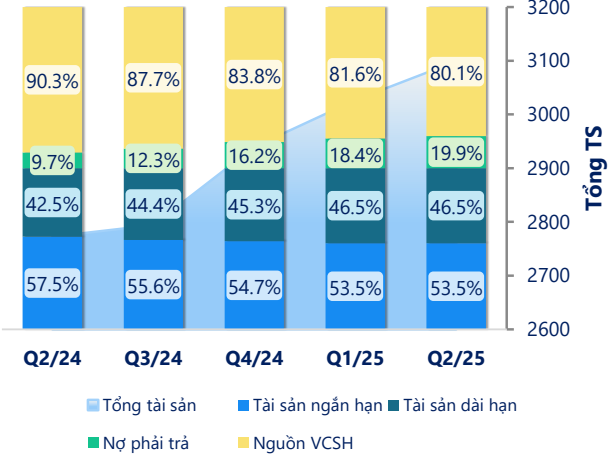
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

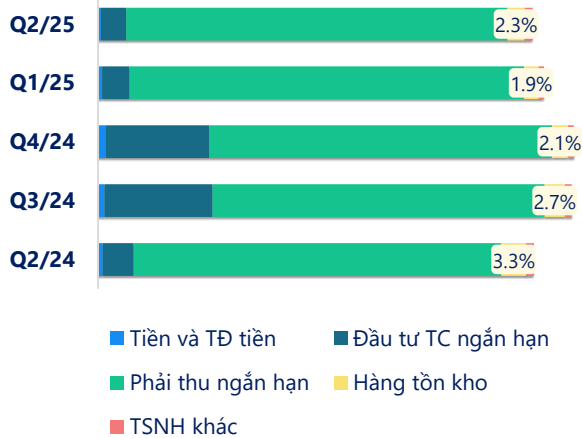
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



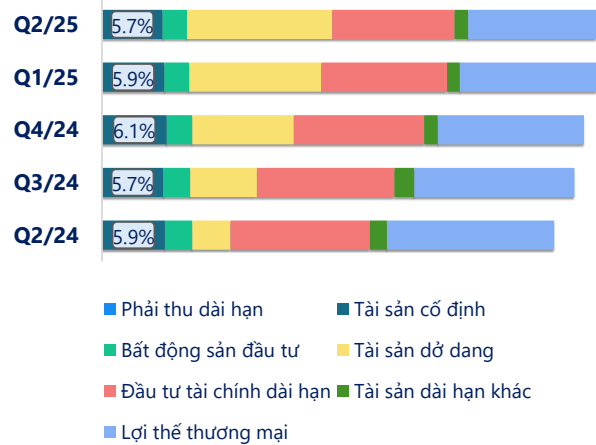
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

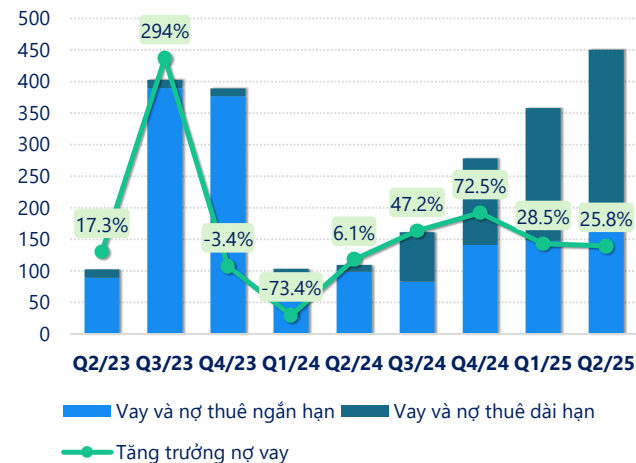
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

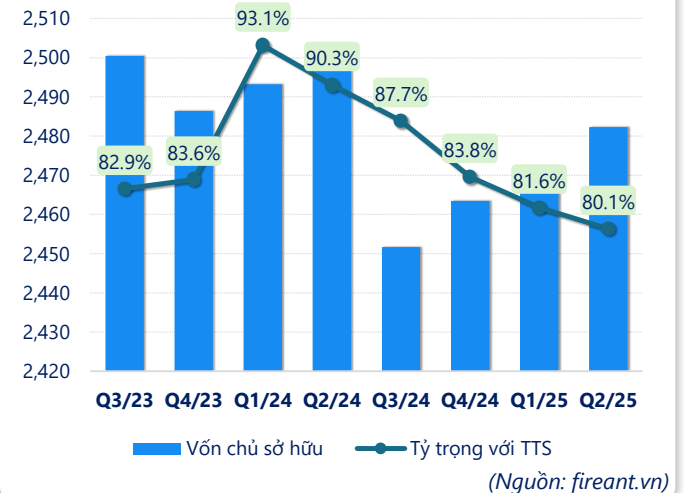
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

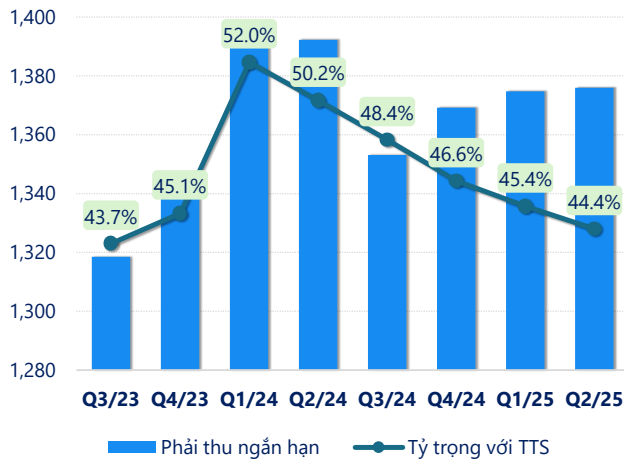
tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu



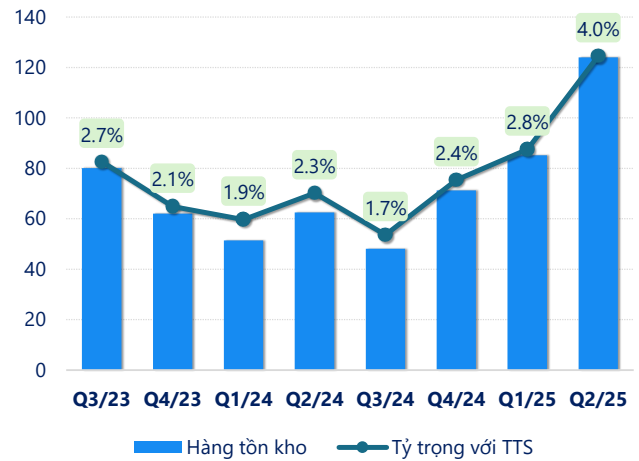
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


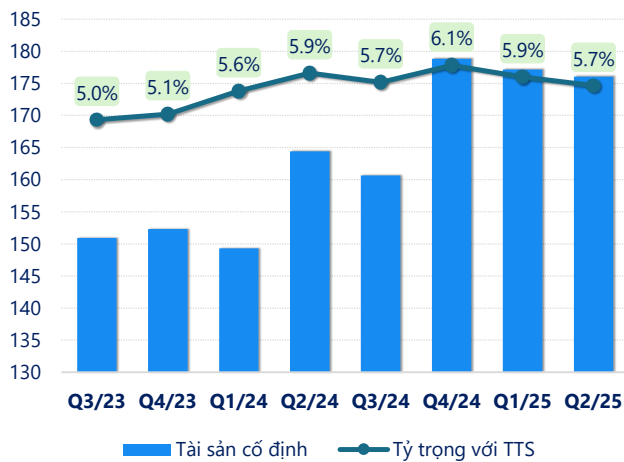
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


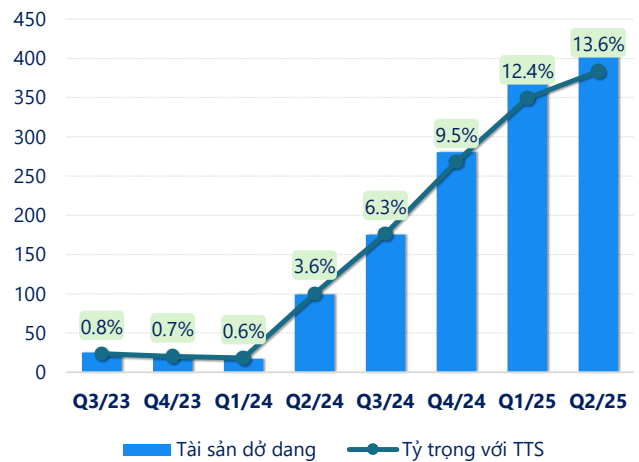
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

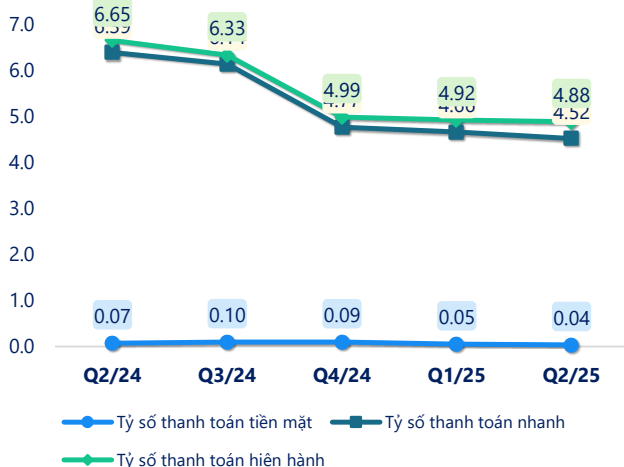
Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

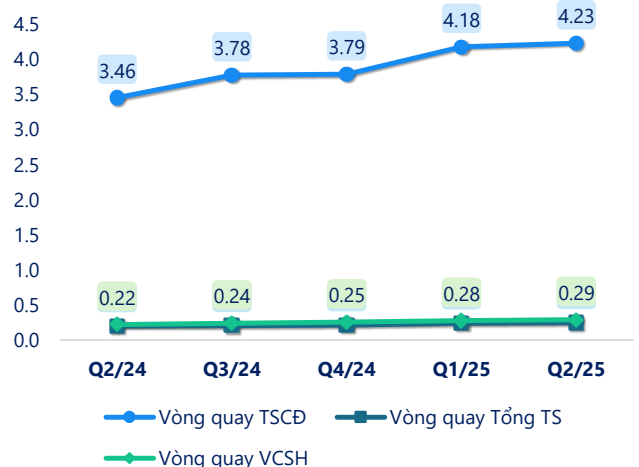
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Tổng tài sản	2,773	2,794	2,940	3,027	3,099
Tài sản ngắn hạn	1,594	1,553	1,608	1,620	1,659
Tiền và tương đương tiền	17.3	23.7	30.6	16.3	12.0
Đầu tư tài chính ngắn hạn	91.8	93.1	91.9	90.3	90.0
Phải thu ngắn hạn	1,392	1,353	1,369	1,375	1,376
Hàng tồn kho	62.6	48.2	71.2	85.2	124
Tài sản ngắn hạn khác	29.8	34.8	44.7	53.0	56.8
Tài sản dài hạn	1,179	1,241	1,333	1,407	1,440
Phải thu dài hạn	0.01	0.01	0.01	0.01	0.36
Tài sản cố định	164	161	179	177	176
Bất động sản đầu tư	71.3	71.3	71.3	71.3	71.3
Tài sản dở dang	99.0	175	280	376	423
Đầu tư tài chính dài hạn	364	361	360	358	357
Tài sản dài hạn khác	44.3	52.8	37.9	36.8	40.4
Lợi thế thương mại	436	420	404	388	373
Nợ phải trả	269	342	477	557	617
Nợ ngắn hạn	240	245	322	329	340
Vay và nợ thuê ngắn hạn	98.5	83.2	141	147	190
Phải trả người bán ngắn hạn	34.5	39.7	45.6	60.5	61.6
Nợ dài hạn	29.4	97.1	154	228	277
Vay và nợ thuê dài hạn	11.1	78.1	137	210	260
Nguồn vốn chủ sở hữu	2,504	2,452	2,463	2,470	2,482
Vốn chủ sở hữu	2,504	2,452	2,463	2,470	2,482
Vốn điều lệ	1,969	1,969	1,969	1,969	1,969
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)